**BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ VÀ TIỂU THUYẾT**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

( Câu khẳng định và câu phủ định)

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được câu khẳng định và câu phủ định.

- Vận dụng kiến thức về câu khẳng định và câu phủ định để đặt câu theo các tình huống trong thực tế đời sống và tạo lập văn bản.

b. Năng lực chung:

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *Năng lực tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết vận dụng hợp kiến thức , tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**2. Về phẩm chất:**

- Có tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập chung của nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập;

- Tranh con voi phục vụ cho trò chơi mở đầu bài học, câu chuyện Thầy bói xem voi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh và xác định vấn đề để dẫn dắt vào bài mới.

b) Nội dung: Gv chơi trò chơi Ô cửa bí mật có hình con voi trong những mảnh ghép.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

GV tổ chức trò chơi *Ô cửa bí mật- Con voi. GV chuẩn bị một bức tranh con voi và dán số thứ tự 1,2,3,4 để học sinh lưa chọn mảnh ghép.*

*HS lựa chọn một ô cửa bất kì mở ra và có 1 bộ phận của con voi và yêu cầu học sinh đưa ra câu trả lời của mình về con vật trong ô cửa.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tham gia trò chơi và đưa ra câu trả lời cho đến khi mảnh ghép cuối cùng dc lật ra là hình ảnh con vật.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày cá nhân

*Gv sẽ đặt câu hỏi: (?): Theo em, loài vật nào nằm trong ô cửa?*

*HS trả lời:* Đây là con voi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV phân tích câu trả lời và dẫn dắt vào bài mới: Câu trả lời của các em đã khẳng định loài vật nằm trong những mảnh ghép là con voi. Đây là kiểu câu khẳng định mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học này - Câu khẳng định và câu phủ định.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và hiểu được đặc điểm của câu khẳng định và câu phủ định.*

*b. Nội dung: Tìm hiểu về câu khẳng định và câu phủ định thông qua ngữ liệu.*

*c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.*

*d. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1:** **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát ngữ liệu và trả lời câu hỏi sau:

**THẦY BÓI XEM VOI**

Ông nào cũng chưa từng một lần nhìn thấy con voi nên không biết hình thù nó ra sao. Bỗng nghe dân tình kháo nhau có người đang dắt voi đi ngang qua làng. Năm ông thầy bói chung tiền vào đưa cho người quản voi bảo họ cho voi dừng lại để xem.

Ông sờ vòi, ông sờ ngà, ông thì sờ chân, ông thì sờ tai còn ông thì sờ đuôi. Sau khi sờ voi kĩ lưỡng thì 5 ông thầy lần lượt phán.

Thầy sờ vòi của voi thì phán:

– Tôi cứ tưởng con voi nó thế nào chứ hóa ra nó cũng sun sun như con đỉa thôi

Thầy sờ ngà voi thì lại phán:

– Tôi thấy nó đâu có như con đỉa, nó dài dài cứng cứng như cái đòn càn

Tiếp đến thầy sờ tai thì phán:

– Không phải, nó bè bè như là cái quạt thóc

Thầy sờ chân voi phản ứng ngay:

– Các ông đều sai hết, nó sừng sững như là cái cột đình vậy

Cuối cùng thầy sờ đuôi phán:

– Bốn ông chả ai nói đúng cả, tôi thấy nó tua tủa như là cái chổi xể cùn

Năm ông thầy mỗi ông một ý, không ông nào chịu nhường ông nào cả nên nhảy vào cãi lộn rồi xô xát đến mức sứt đầu mẻ trán.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Nhiệm vụ 1: HS theo dõi câu chuyện và trả lời các câu hỏi GV đưa ra.**  (?)Tại sao các ông thầy bói lại xô xát đến mức sứt đầu mẻ trán?  ( ?) Sự bất đồng ý kiến thể hiện ở những câu nói nào? Hãy liệt kê những câu nói ấy và phân loại những câu nói vừa tìm được theo 2 tiêu   * Câu nói mang tính xác nhận khẳng định. * Câu nói mang tính bác bỏ phủ định   **Bước 2:** **HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS liên hệ kiến thức đã học, suy ngẫm và chọn lọc thông tin.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời bất kì 2-3 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe và nhận xét câu trả lời của các bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức  GV mở rộng lấy ví dụ phân biệt giữa câu khẳng định và câu phủ định.  a) Tôi biết người da trắng không hiểu cách sống của chúng tôi  b) Ở thành phố của người da trắng, chẳng có nơi nào yên tĩnh cả...  c) Mùa nước nổi xưa kia hay mùa lũ theo cách gọi hiện nay, không là mối lo ngại cho nông dân vùng châu thổ Cửu Long.....  Trả lời:  *a. - Phủ định bác bỏ*  *b - phủ định miêu tả*  *c - không phải câu phủ định.*  **Nhiệm vụ 2: Vận dụng kiến thức về câu khẳng định và câu phủ định để đặt câu**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ sau:  ·        *Lấy một ví dụ về câu khẳng định hoặc câu phủ định.*  **Bước 2:** **HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS vận dụng kiến thức đã học và đặt câu .  - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS  **Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**  - GV mời một số học sinh trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS lắng nghe, bổ sung  **Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét và làm rõ hai kiểu câu để học sinh nắm được và yêu cầu học sinh làm bài tập 3 trang 67,68.  HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cặp đôi trong thời gia 3 phút.  - HS báo cáo, GV nhận xét. | **I. Khái niệm**  ***1. Ngữ liệu***  - Các ông thầy bói xô xát đến mức sứt đầu mẻ trán vì ai cũng cho rằng mình đúng khi nói về con voi.  - Người nói sau thì phủ nhận người nói trước, người nói sau cùng thì phú nhận tất cả:  - Người thứ nhất :  – Tôi cứ tưởng con voi nó thế nào chứ hóa ra nó cũng sun sun như con đỉa thôi.   * Một lời khẳng định * Người thứ hai: Tôi thấy nó đâu có như con đỉa   🡪Bác bỏ, phủ định ý kiến của người trước.  Người thứ ba:  – Không phải, nó bè bè như là cái quạt thóc  🡪Bác bỏ, phủ định ý kiến của người trước.  Người thứ 4:  – Các ông đều sai hết, nó sừng sững như là cái cột đình vậy  🡪Bác bỏ, phủ định ý kiến của người trước.  Người thứ 5:  – Bốn ông chả ai nói đúng cả, tôi thấy nó tua tủa như là cái chổi xể cùn.   * Bác bỏ, phủ định ý kiến của 4 người trước.   Sự bực tức của các thầy bói cứ tăng dần lên theo từng lời dối thoại của người khác, đẩy mâu thuẫn và sự hài hước lên một bước cao hơn.  2. ***Khái niệm:***  ***a. Câu khẳng định***  - Khái niệm: là câu dùng để thông báo, xác nhận sự tồn tại của một sự vật, sự việc nhất định.  - Về hình thức: Câu khẳng định thường không chứa các từ ngữ mang ý nghĩa phủ định.. Tuy nhiên trong một số trường hợp, câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức “phủ định của phủ đinh”, tức là lặp hai lần từ ngữ mang nghĩa phủ định.  - Ví dụ: Tháng tám, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng, **không** ai **không** từng ăn trong tết Trung thu…(Băng Sơn)  - Hoặc đặt các từ ngữ mang nghĩa phủ định sau một từ ngữ phiếm chỉ (ai, gì, nào,…)  ***b) Câu phủ định***  - Khái niệm: Câu phủ định là câu dùng để thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc hoặc bác bỏ một ý kiến, một  nhận định nào đó.  - Về hình thức, câu phủ định thường có các từ ngữ mang nghĩa phủ định như: không, chưa, chẳng, không phải, chẳng phải, đâu (có), có….đâu, làm gì, làm sao,…  - Ví dụ:  +“Bác chưa hát vì chưa có người nghe” (Thạch Lam)  + “Lạy chị, em nói gì đâu!” (Tô Hoài)  3. Bài tập  - Câu do học sinh đặt  - Bài tập 3, trang 67,68:  a. Không ai không muốn đuổi chúng đi.  b. Không có ngày nào Thị Nở không đi qua vườn nhà hắn.  c. Từ đấy, không ngày nào Hoài Văn không xuống các thôn xóm, vận động bà con đứng lên cứu nước. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**1.Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về bài *học Thực hành tiếng Việt – Câu khẳng định và câu phủ định.*

**2. Nội dung:**  GV hướng dẫn HS thực hiện phần Luyện tập theo bài học

3. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV phân nhóm cho HS làm bài tập thực hiện nhanh tại lớp.

N1: Bài tập 1- a,b N3: Bài tập 2- a

N2: Bài tập 1- c,d N3: Bài tập 2- b

**Bước 2:** **HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học và đặt câu .

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời một số học sinh trình bày kết quả.

- GV yêu cầu HS lắng nghe, bổ sung

**Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Câu 1.**Tìm câu khẳng định và câu phủ định trong những câu dưới đây. Chỉ ra đặc điểm về ý nghĩa và hình thức của mỗi câu.

a. Tất cả những điều ấy, họ làm sao mà hiểu được rõ ràng, đích xác. (Ngô gia văn phái)

b. Hôm sau, vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân. (Ngô gia văn phái)

c. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi. (Ngô gia văn phái)

d. Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận. (Ngô Tất Tố)

Câu trả lời:

a. Câu phủ định. Trong câu có từ "làm sao". Câu xác nhận về việc người được nói đến không xác định, hiểu rõ về vấn đề gì đó.

b. Câu khẳng định. Câu không chứa các từ ngữ phủ định. Câu xác nhận về việc vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân.

c. Câu khẳng định. Câu không chứa các từ ngữ phủ định. Câu thông báo về hành động phải làm.

d. Câu phủ định. Câu có từ "chưa". Câu xác nhận về việc chị Dậu vẫn còn đang giận.

**Câu 2.** Trong hai đoạn văn dưới đây (trích văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh của Ngô gia văn phái), câu nào được dùng để hỏi, câu nào được dùng để khẳng định, để phủ định? Vì sao?

a. Tổng đốc họ Tôn đem thử quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi? Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi. Nhưng còn nhà nước của ta thì sao? Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?

b. Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?

Câu trả lời:

a.Câu phủ định: "Họ chẳng qua chỉ là người khách, chuyến này sang cũng cốt xem sự thế khó hay dễ để liệu bề tiến lui mà thôi." do trong câu có từ mang nghĩa phủ định "chẳng".

* Câu để hỏi: "Tổng đốc họ Tôn đem thử quân nhớ nhà kia mà chống chọi, thì địch sao cho nổi?"; "Nhưng còn nhà nước của ta thì sao?"; "Thái hậu có thể chạy sang đất Trung Hoa một chuyến nữa chăng?" do trong 3 câu có chưa từ để hỏi và cuối câu có dấu "?"

b. Câu phủ định: "Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ?" do trong câu có từ mang nghĩa phủ định "chưa".

* Câu để hỏi: "Bấy giờ, nhân khi ta thắng, đè bẹp ngay lúc chúng đang khốn đốn, há chẳng dễ dàng hơn hay sao?" do trong câu có chưa từ để hỏi và cuối câu có dấu "?"

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**1.Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về bài *học Thực hành tiếng Việt – Câu khẳng định và câu phủ định.*

**2. Nội dung:**  GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4- SGK trang 68.

3. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

4. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Bài tập: [Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh (Ngô gia văn phái), trong đó có sử dụng câu khẳng định được thể hiện dưới hình thức “phủ định của phủ định”.](https://baivan.net/content/viet-mot-doan-van-khoang-5-7-dong-neu-cam-nghi-cua-em-sau-khi-hoc-van-ban-quang-trung-dai)

GV hướng dẫn học sinh viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của bản thân sau khi học xong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh, trong đó có sử dụng câu khẳng định dưới hình thức “ phủ định của phủ định”.

**Bước 2:** **HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học và đặt câu, tạo lập văn bản.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

* GV cho học sinh làm bài trong thời gian 2 ngày và nộp lại cho giáo viên.

**Bước 4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* Gv nhận xét, chữa bài làm của học sinh.